Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh, Tập 30, Số 1 (2014) 46-52

Tác động của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đến tăng trưởng kinh tế: Trường hợp ASEAN-5 thời kỳ 1990-2012

Đào Thị Bích Thủy*

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 24 tháng 2 năm 2014
Chỉnh sửa ngày 20 tháng 03 năm 2014; chấp nhận đăng ngày 22 tháng 4 năm 2014

Tóm tắt: Trong thời kỳ từ năm 1990 đến năm 2012, nhóm các nước ASEAN-5 bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng với mức bình quân hàng năm là 5,4%. Trong nỗ lực tìm kiếm các yếu tố xác định tăng trưởng kinh tế, vai trò của chi tiêu chính phủ nhận được rất nhiều sự quan tâm. Phân tích hồi quy trên cơ sở mô hình tăng trưởng kinh tế Ram (1986) cho nhóm ASEAN-5 trong thời kỳ 1990-2012 cho thấy chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế do hàng hóa và dịch vụ mà chính phủ cung cấp có tác động ngoại ứng tích cực đáng kể đến sản lượng của khu vực tư nhân.

Từ khóa: Chi tiêu cho tiêu dùng chính phủ, tăng trưởng, kinh tế, ASEAN, ASEAN-5.

1. Giới thiệu

Tăng trưởng kinh tế bền vững là một trong những mục tiêu hàng đầu của những nước đang phát triển nhằm nâng cao mức sống của người dân và thu hẹp khoảng cách chênh lệch trong thu nhập với các nước phát triển. Tìm hiểu được những nguyên nhân, những yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế là hết sức quan trọng bởi nó sẽ giúp các quốc gia đưa ra được những chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phù hợp. Trong số những yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng, vai trò chính phủ nói chung và chi tiêu chính phủ nói riêng ngày càng thu hút sự chú ý. Tác động của chi tiêu chính phủ đến tăng trưởng kinh tế vẫn đang còn là vấn đề gây nhiều tranh luận cả trên lý luận và thực tiễn.

Chi tiêu chính phủ bao gồm nhiều hạng mục với các chức năng khác nhau như chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ cung cấp hàng hóa và dịch vụ phi thị trường; chi tiêu cho sản xuất của chính phủ cung cấp hàng hóa và dịch vụ thị trường (khi các doanh nghiệp nhà nước trực tiếp tham gia sản xuất và kinh doanh hàng hóa trên thị trường); và chi tiêu cho đầu tư phản ánh đầu tư công vào hình thành vốn đem lại lợi ích dài hạn như cơ sở hạ tầng, đường xá, trường học, bệnh viện... Về bản chất, chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ cung cấp hàng hóa và dịch vụ phi thị trường là hàng hóa và dịch vụ được cung cấp miễn phí hay ở mức giá thấp hơn rất nhiều so với chi phí sản xuất [1]. Những dịch vụ cơ bản miễn phí được chính phủ cung cấp cho xã hội có thể kể đến như an ninh quốc phòng, thực thi pháp luật, y tế cộng đồng, phổ cập giáo dục tiểu học, nghiên cứu khoa học cơ

* ĐT: 84-912583355
Email: thuy_thi_bich_dao@yahoo.com

bản hay dịch vụ hỗ trợ thị trường. Giá trị hàng hóa và dịch vụ phi thị trường được chính phủ cung cấp được tính theo phương pháp chi tiêu, tức khoản chi phí mà chính phủ phải tiêu tốn cho việc sản xuất và cung cấp hàng hóa này.

Về mặt lý luận, tồn tại ba quan điểm chính liên quan đến tác động của chi tiêu chính phủ đến tăng trưởng kinh tế. Trường phái thứ nhất cho rằng: chi tiêu của chính phủ có tác động tích cực và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc thực hiện các chức năng thực thi pháp luật, cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, hàng hóa và dịch vụ có ngoại ứng tích cực, và những dịch vụ hỗ trợ thị trường. Theo Knack và Keefer (1995), chi tiêu chính phủ cho các hoạt động thực thi pháp luật và trật tự sẽ tạo dựng môi trường kinh tế - xã hội ổn định và tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế [2]. Bên cạnh đó, các chương trình chi tiêu của chính phủ cung cấp hàng hóa công có giá trị như quốc phòng, công nghệ, truyền thông, cơ sở hạ tầng và hàng hóa có ngoại ứng tích cực như y tế và giáo dục đều là những yếu tố cơ bản quyết định tăng trưởng kinh tế.

Một số học giả khác lại cho rằng chi tiêu của chính phủ có tác động tiêu cực, làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế bởi các nguyên nhân như: chi tiêu chính phủ chèn lấn đầu tư tư nhân, chiếm chỗ hoạt động của khu vực tư nhân, làm biến dạng phân bổ nguồn lực hay ức chế sự đổi mới trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế [3]. Khi chính phủ chi tiêu thì cần phải có nguồn tiền được lấy từ nguồn khác hoặc những cách sử dụng khác như thuế hoặc vay nợ. Thuế làm giảm hành vi sản xuất vì thuế đánh vào thu nhập từ lao động, tiết kiệm, đầu tư hay những hình thức khác. Thuế thu nhập cá nhân làm giảm thu nhập khả dụng của người lao động, không khuyến khích họ làm việc nhiều và thậm chí còn làm nản chí trong việc tìm kiếm việc làm. Lao động giảm dẫn đến giảm tổng cung trong khi thu nhập giảm dẫn đến giảm tổng cầu. Thuế thu nhập doanh nghiệp làm tăng chi phí sản xuất, giảm lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và dẫn đến tổng cung giảm. Thuế đánh vào tiết kiệm làm giảm động cơ tiết kiệm và do đó, tạo được ít nguồn vốn hơn cho đầu tư của các doanh nghiệp sản xuất. Bên cạnh đó, các hình thức vay nợ để tài trợ cho chi tiêu của chính phủ cũng đem lại những tác động tiêu cực. Vay nợ trong nước sẽ dẫn đến tình trạng chi tiêu chính phủ chèn lấn đầu tư tư nhân do chính phủ vay sẽ làm giảm nguồn vốn mà đáng lẽ sẽ được sử dụng cho đầu tư tư nhân. Vay nợ nước ngoài sẽ làm tăng nợ nước ngoài, dẫn đến tăng rủi ro mức độ phụ thuộc vào nước ngoài.

Trường phái thứ ba cho rằng tác động của chi tiêu chính phủ đến tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào kích cỡ của chi tiêu chính phủ (tính theo tỷ trọng của chi tiêu chính phủ trên tổng sản lượng nền kinh tế). Khi kích cỡ chi tiêu của chính phủ còn nhỏ thì tác động tích cực vượt trội tác động tiêu cực và khi kích cỡ chi tiêu của chính phủ trở nên lớn thì tác động tiêu cực sẽ vượt trội tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Lý giải điều này có hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, theo lập luận của Armey (1995) hay Chao và Grubel (1998), có tồn tại qui luật lợi tức giảm dần đối với chi tiêu thêm của chính phủ [4]. Theo đó, các tính năng thúc đẩy sản lượng của chi tiêu chính phủ sẽ chiếm ưu thế khi chi tiêu chính phủ còn rất nhỏ, và khi đó gia tăng trong chi tiêu của chính phủ sẽ làm tăng sản lượng. Tuy nhiên, đến một điểm nào đó, tính năng thúc đẩy tăng trưởng của chi tiêu chính phủ sẽ giảm dần và sự tiếp tục gia tăng trong chi tiêu của chính phủ sẽ không còn dẫn đến sự gia tăng trong sản lượng nữa. Thứ hai, để có thêm được doanh thu tài trợ cho chi tiêu chính phủ, thuế phải tăng, làm giảm động cơ làm việc, tiết kiệm, đầu tư và sản xuất của khu vực tư nhân. Hơn nữa, khi chi tiêu chính phủ gia tăng thì ngày càng nhiều nguồn lực rút ra khỏi khu vực tư nhân từ các dự án có lợi nhuận cao. Những tác động này làm thay đổi hành vi của các cá nhân, làm giảm cung ứng hiệu quả nguồn lực và do vậy làm giảm tăng trưởng kinh tế.

Về thực tiễn, các nghiên cứu được thực hiện đa dạng từ tổng hợp các nước đến nhóm các nước phát triển hoặc đang phát triển, đến cá nhân từng nước, đưa ra những kết quả khác nhau, thậm chí trái ngược. Nghiên cứu thực nghiệm của Ram (198), Kelly (1997), Loizides và Vamvoukas (2005), Alexiou (2007), Ranjan và Sharma (2008) và Cooray (2009) cho thấy chi tiêu của chính phủ có tác động tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế [5], [6]. Tuy nhiên, nghiên cứu của Laudau (1983), Barro (1991), Engen và Skinner (1992), Ghura (1995), Guseh (1997), Fölster và Henrekson (2001) và Peter (2003) lại cho thấy chi tiêu của chính phủ có tác động nghịch, làm cản trở tăng trưởng kinh tế [6, 7, 8]. Ở một hướng khác, Scully (1994), Vedder và Gallaway (1998), Chao và Gruber (1998), Afonso, Schuknecht và Tanzi (2003) lại tìm kiếm ước lượng cho kích cỡ tối ưu của chi tiêu chính phủ đến tăng trưởng kinh tế [4].

Trong thời kỳ 1990-2012, nhóm các nước ASEAN-5 bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam đạt được mức tăng trưởng khá với tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5,4%. Đối với nhóm các nước này thì tác động của chi tiêu chính phủ có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế?

Trong giới hạn, nghiên cứu sẽ tập trung đánh giá vai trò của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đến tăng trưởng kinh tế. Phần tiếp theo trình bày mô hình tăng trưởng kinh tế và dựa trên mô hình được xây dựng, phân tích hồi quy được thực hiện để đánh giá tác động của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đến tăng trưởng kinh tế cho nhóm các nước ASEAN-5 trong thời kỳ 1990-2012.

2. Mô hình phân tích và số liệu

2.1. Mô hình

Mô hình tăng trưởng được phát triển trên cơ sở mô hình kinh tế hai khu vực của Ram (1986) gồm: khu vực công (G) sản xuất và cung cấp hàng hóa phi thị trường; và khu vực tư nhân (C) sản xuất và cung cấp hàng hóa thị trường. Sản lượng trong mỗi khu vực là hàm của các yếu tố sản xuất vốn (K) và lao động (L) được sử dụng [5]. Sản lượng của khu vực công được cung cấp miễn phí trong nền kinh tế và có tác động ngoại ứng đến sản lượng của khu vực tư nhân. Các dịch vụ công như hoạt động duy trì luật pháp và trật tự, nghiên cứu phát triển công nghệ, truyền thông, duy trì và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng giao thông, các dịch vụ y tế và giáo dục giúp làm giảm chi phí sản xuất của doanh nghiệp hay làm tăng năng suất lao động trong khu vực tư nhân. Do vậy, theo lập luận của Ram (1986) và Baro (1990), sản lượng của khu vực công tham gia vào hàm sản xuất của khu vực tư nhân như một đầu vào ngoại ứng [5, 9].

Khu vực tư nhân: $C = C(K_c, L_c, G)$ (1)

Khu vực công: $G = G(K_g, L_g)$ (2)

trong đó K_c, K_g, L_c, L_g là số lượng đầu vào vốn và lao động được sử dụng trong mỗi khu vực.

Tổng trữ lượng vốn và lao động của nền kinh tế là:

$$K = K_c + K_g \quad (3)$$

$$L = L_c + L_g \quad (4)$$

Tổng sản lượng của nền kinh tế (Y) là tổng sản lượng của cả hai khu vực:

$$Y = C + G \quad (5)$$

Năng suất yếu tố đầu vào được xác định bởi sản phẩm biên của nó. Như vậy, năng suất của vốn và lao động trong mỗi khu vực lần lượt là:

Khu vực tư nhân:

$$C_K = MPK_c = \Delta C / \Delta K_c \quad (6)$$

$$C_L = MPL_c = \Delta C / \Delta L_c \quad (7)$$

Khu vực công:

$$G_K = MPK_g = \Delta G / \Delta K_g \quad (8)$$

$$G_L = MPL_g = \Delta G / \Delta L_g \quad (9)$$

Giả định thị trường cạnh tranh nên năng suất đầu vào của hai khu vực là như nhau:

$$C_K = G_K \text{ và } C_L = G_L \quad (10)$$

Giả thiết trong hai khu vực, hàm sản xuất thể hiện suất sinh lợi theo quy mô không đổi cho hai yếu tố đầu vào là vốn và lao động. Khi đó, sản lượng của nền kinh tế bằng tổng thu nhập của các yếu tố đầu vào này. Sản lượng của khu vực công được cung cấp miễn phí trong nền kinh tế. Chính phủ trang trải chi tiêu bằng cách đánh thuế vào thu nhập của các yếu tố đầu vào.

Lấy vi phân phương trình (1) và (2) ta có:

$$\Delta C = C_K \Delta K_c + C_L \Delta L_c + C_G \Delta G \quad (11)$$

$$\Delta G = G_K \Delta K_g + G_L \Delta L_g \quad (12)$$

Cộng hai phương trình (11) và (12):

$$\Delta Y = \Delta C + \Delta G = C_K \Delta K + C_L \Delta L + C_G \Delta G \quad (13)$$

trong đó: $\Delta K = \Delta K_c + \Delta K_g$ và $\Delta L = \Delta L_c + \Delta L_g$.

Sự biến đổi trong trữ lượng vốn của nền kinh tế được xác định bởi lượng đầu tư vào vốn ở mỗi thời kỳ. Nguồn vốn đầu tư được hình thành từ tiết kiệm của thu nhập sau thuế của các hộ gia đình.

$$\Delta K = I \quad (14)$$

Chia hai vế của phương trình (13) cho Y ta có:

$$\frac{\Delta Y}{Y} = C_K \frac{I}{Y} + C_L \frac{\Delta L}{Y} + C_G \frac{\Delta G}{G} \frac{G}{Y} \quad (15)$$

Đây là phương trình về ảnh hưởng của các nhân tố tốc độ tích lũy của vốn, lao động và chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ tới tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

2.2. Số liệu

Các số liệu cho 5 nước trong thời kỳ nghiên cứu 1990-2012 được lấy từ nguồn dữ liệu World Databank và Asian Development Bank. Số liệu cho tốc độ tăng trưởng GDP (tính theo giá cố định), tốc độ tăng trưởng của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ (tính theo giá cố định), tỷ trọng tổng đầu tư vào vốn hình thành trên GDP và tỷ trọng chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ trên GDP được lấy từ nguồn dữ liệu World Databank [10]. Số liệu cho lao động được lấy từ nguồn Asian Development Bank, trong đó lao động được tính bằng số người có việc làm [11].

3. Kết quả phân tích hồi quy

Trên cơ sở mô hình lý thuyết được xây dựng, phương trình (15) thiết lập phương trình hồi quy tăng trưởng:

$$GRY_i = c + \alpha IGDP_i + \beta GRL_i + \varphi g_i + e_i \quad (16).$$

Trong đó, $\alpha = C_K$ là năng suất biên của vốn, $\beta = C_L \frac{L}{Y}$ là độ co giãn của sản lượng trong khu vực tư nhân theo tổng lao động, $\varphi = C_G$ là năng suất biên của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ, $GRY = \Delta Y / Y$, $IGDP = I / Y$, $GRL = \Delta L / L$, $g = (\Delta G / G)(G / Y)$ và *e* là sai số.

Tốc độ tăng trưởng của GDP được dùng cho *GRY*, tốc độ tăng trưởng của lao động được dùng cho *GRL*, tỷ trọng tổng đầu tư trên GDP được dùng cho *IGDP*, tỷ trọng chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ trên GDP và tốc độ tăng trưởng của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ được dùng cho *g*.

Bảng 1: Kết quả hồi quy chi tiêu chính phủ và tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhóm ASEAN-5 thời kỳ 1990-2012
Biến phụ thuộc: Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Biến giải thích	**Hệ số**	**t-statistic** (ý nghĩa thống kê ở mức 1%)
IGDP: Tỷ trọng tổng đầu tư trên GDP	0,248	6,428
GRL: Tốc độ tăng trưởng của lao động	0,445	3,238
g: Tốc độ tăng trưởng của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ × tỷ trọng chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ trên GDP	0,021	3,791
Constant	-3,781	-3,303

Số liệu quan sát: 115

Durbin-Watson statistic: 1,66 $R^2 (\bar{R}^2)$: 0,45 (0,4) F-statistic: 25,11

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Kết quả phân tích định lượng cho thấy: các tham số năng suất biên của vốn, độ co giãn của sản lượng theo lao động và năng suất biên của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đều mang giá trị dương. Điều này phản ánh tích lũy vốn, gia tăng trong lao động hay chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đều là những yếu tố đóng góp đến tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, 1% tăng trong tỷ trọng tổng đầu tư trên GDP dẫn đến 0,248% tăng trong tốc độ tăng trưởng kinh tế, 1% tăng trong tốc độ tăng trưởng của lao động dẫn đến 0,445% tăng trong tốc độ tăng trưởng kinh tế; 1% tăng trong tốc độ tăng trưởng của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ (hoặc trong tỷ trọng của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ trên GDP) đóng góp 0,021% tăng trong tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Tham số φ mang giá trị dương cho thấy trong thời kỳ 1990-2012, trong nhóm các nước ASEAN-5, chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Như đã đề cập ở trên, chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ có tác động đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trên hai góc độ. Tăng chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ làm tăng sản lượng của khu vực công được cung cấp miễn phí. Do tác động ngoại ứng tích cực, hàng hóa và dịch vụ được chính phủ cung cấp có ảnh hưởng giúp tăng năng suất trong khu vực tư nhân và do đó làm tăng tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Tác động tiêu cực thể hiện ở sự sụt giảm trong đầu tư. Khi chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ tăng lên thì chính phủ cũng phải tăng thuế. Thuế tăng sẽ dẫn đến sự sụt giảm của thu nhập sau thuế và do vậy tiết kiệm giảm, dẫn đến đầu tư giảm. Đây chính là tác động chèn lấn của chi tiêu chính phủ đến đầu tư tư nhân. Khi kích cỡ chi tiêu của chính phủ còn nhỏ thì tác động ngoại ứng vượt trội tác động chèn lấn và gia tăng trong chi tiêu chính phủ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, khi kích cỡ chi tiêu của chính phủ lớn thì tác động chèn lấn sẽ vượt trội tác động ngoại ứng và gây trở ngại cho tăng trưởng kinh tế. Trong thời kỳ này, tỷ trọng chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ theo GDP bình quân cả nhóm các nước ASEAN-5 là 9,8%. Điều này hàm ý, kích cỡ chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ trong ASEAN-5 giai đoạn 1990-2012 còn thấp nên tác động ngoại ứng của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ chiếm ưu thế so với tác động chèn lấn nên sự gia tăng trong chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ có tác động tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN-5 thời kỳ này.

So với các nước khác trong nhóm ASEAN-5, tác động của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam có gì khác biệt? Để đánh giá so sánh tác động này, biến giả được đưa vào phương trình hồi quy tăng trưởng (16).

$$GRY_i = c + \gamma D_i + \alpha IGDP_i + \beta GRL_i + \varphi g_i + \theta(D_i g_i) + e_i \quad (17)$$

Với: $D_i = 1$ cho Việt Nam và $D_i = 0$ cho các nước khác

Bảng 2 trình bày kết quả hồi quy. Phương trình hồi quy tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam và các nước khác của nhóm ASEAN-5 lần lượt là:

$$GRY_{VN} = -2{,}618 + 0{,}238IGDP + 0{,}44GRL + 0{,}014g$$

$$GRY_{K} = -3{,}624 + 0{,}238IGDP + 0{,}44GRL + 0{,}022g$$

Có thể thấy, chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ có tác động thấp hơn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam so với ở các nước khác trong nhóm ASEAN-5. Tuy nhiên, giá trị t-statistic cho các hệ số γ và θ là rất thấp nên các hệ số này không có ý nghĩa thống kê. Do vậy, ta có thể kết luận rằng không có sự khác biệt thống kê trong tác động của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đến tăng trưởng kinh tế giữa Việt Nam và các nước khác trong nhóm ASEAN-5 thời kỳ 1990-2012.

Bảng 2: Kết quả hồi quy chi tiêu chính phủ và tốc độ tăng trưởng kinh tế, so sánh giữa Việt Nam và các nước khác trong nhóm ASEAN-5 thời kỳ 1990-2012

Biến phụ thuộc: Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Biến giải thích	**Hệ số**	**t-statistic** (ý nghĩa thống kê ở mức 1%)
IGDP: Tỷ trọng tổng đầu tư trên GDP	0,238	5,732
GRL: Tốc độ tăng trưởng của lao động	0,44	3,18
g: Tốc độ tăng trưởng của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ × tỷ trọng chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ trên GDP	0,022	3,83
Constant	-3,624	-3,054
D	1,006	0,684
Dg	-0,008	-0,265

Số liệu quan sát: 115

Durbin-Watson statistic: 1,68 R^2 ($\overline{R}^2$): 0,42 (0,4) F-statistic: 15,05

Nguồn: Tính toán của tác giả.

4. Kết luận

Tác động của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đối với tăng trưởng kinh tế vẫn còn là chủ đề tranh luận. Một mặt, chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua việc thực hiện các chức năng thực thi pháp luật, cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, những dịch vụ hỗ trợ thị trường tạo ngoại ứng tích cực làm tăng năng suất lao động của nền kinh tế. Mặt khác, đây cũng là yếu tố cản trở tăng trưởng kinh tế do ảnh hưởng tiêu cực của thuế, vay mượn hay tính phi hiệu quả. Để đánh giá được tác động của chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đến tăng trưởng kinh tế cho nhóm các nước ASEAN-5, nghiên cứu đã phát triển mô hình tăng trưởng kinh tế trên cơ sở mô hình Ram (1986) và thực hiện phân tích định lượng trên mô hình được xây dựng. Kết quả cho thấy, trong thời kỳ 1990-2012, chi tiêu cho tiêu dùng của chính phủ đã có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và do vậy có vai trò đóng góp đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhóm các nước ASEAN-5 trong thời

kỳ này. Mô hình đã bước đầu chỉ ra được tầm quan trọng của kích cỡ chi tiêu chính phủ như một yếu tố quyết định tác động của chi tiêu chính phủ đến tăng trưởng kinh tế. Đánh giá được kích cỡ chi tiêu chính phủ tối ưu sẽ là định hướng cho những nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

[1] Bureau of Economics Analysis, "Chapter 9: Government Consumption Expenditures and Gros Investment", 2011.
[2] Knack, S and P Keefer, "Institutions and Economic Performance: Institutional Measures Cross-Country Test Using Alternative", Economics and Politics, No.3 (1995), 207.
[3] Amoafo, S., "Government Speding - Its Impact on Economic Performance", Daily Graphic, 2011.
[4] Pevcin, P., "Does Optimal Size of Government Spending Exist?", 2004.
[5] Ram, R., "Government Size and Economic Growth: A New Framework and Some Evidence from Cross-Section and Time-Series Data" The American Economic Review 76 (1), (1986), 191.
[6] Alexiou, C.. "Government Spending and Economic Growth: Econometric Evidence from the South Eastern Europe", Journal of Economic and Social Research, 11(1) (2009), 1.
[7] Landau, D., "Government Expenditure and Economic Growth: A Cross-Country Study", Southern Economic Journal 49, 1983.
[8] Peter S., "Government Expenditures Effect on Economic Growth: The Case of Sweden, 1960-2001", A Bachelor Thesis Submitted to the Department of Business Administration and Social Sciences, Lulea University of Technology, Sweden, 2003.
[9] Barro, R., "Government Spending in a Simple Model of Endogeneous Growth", The Journal of Political Economy, Vol 98, No. 5 (1990).
[10] WB: World Data Bank.
[11] ADB, Key Indicators for Asia and the Pacific 2013.

The Impact of Government Consumption Expenditure on Economic Growth: The Case of ASEAN-5 in the Period of 1990-2012

Đào Thị Bích Thủy

VNU University of Economics and Business,
144 Xuân Thủy Str., Cầu Giấy Dist., Hanoi, Vietnam

Abstract: In the period 1990-2012, the group of ASEAN-5 including Indonesia, Malaysia, the Philippines, Thailand and Vietnam have experienced an impressive economic growth with an average annual growth rate of 5.4 percent. In an effort to find determinants for economic growth, the interest is focused on the role of government expenditure. Regression analysis on the basis of Ram's economic growth model (1986) for the group of ASEAN-5 in this period shows that economic growth is positively related to government consumption expenditure since goods and services provided by the government created positive externality on the output of the private sector.

Keywords: Government consumption expenditure, economic growth, positive externality, ASEAN, ASEAN-5.